

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2022/DS-PT

Ngày 25-8-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Vân.

*Các Thẩm phán:*

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;

Ông Nguyễn Văn Bình.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bé Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2022/TLPT-DS về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2022/DS-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 207/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Trương Tấn L, sinh năm 1979; có mặt.

Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1979; có mặt.

Cùng nơi cư trú: ấp Ph, xã Ph, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

**Đại diện hợp pháp của ông L:** Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp Ph, xã Ph, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Đặng Tấn L2 – Văn phòng Luật sư Đặng L2, thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1971; có mặt.

Bà Huỳnh Kim Tr, sinh năm 1974; có mặt.

Cùng nơi cư trú: ấp Ph, xã Ph, thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà Tr:* Anh Trần Minh H, sinh năm 1983; nơi cư trú: số 43/10/1/1 đường 42, phường Hiệp Bình Ch, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Huỳnh Văn C và bà Huỳnh Kim Tr.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày:*

Bà và bà Tr, ông C có quan hệ thông gia nên năm 2015, vợ chồng bà với vợ chồng bà Tr, ông C có hùn với nhau mua bán lúa và trữ lúa. Toàn bộ số tiền vốn có để mua lúa và trữ lúa là do vợ chồng bà vay mượn của nhiều người bên ngoài. Cả hai cùng nhau làm ăn được khoảng một năm thì xuất kho để bán lúa trữ, nhưng do lúa hạ giá nên bị lỗ vốn 340.000.000 đồng, mỗi bên bù 170.000.000 đồng, thực tế bà Tr, ông C không có chi khoản tiền nào để bù vào phần tiền lỗ vốn. Đến năm 2016, bà sinh con nên không C1n hùn mua bán lúa với vợ chồng bà Tr, ông C nữa. Từ đó, vợ chồng bà cho vợ chồng bà Tr, ông C mượn lại toàn bộ số tiền vốn ban đầu là 1.095.000.000 đồng để ông C, bà Tr làm vốn tiếp tục mua bán lúa. Do quá tin tưởng và xem nhau như người trong nhà, nên khi giao tiền hai bên chỉ nói miệng với nhau chứ không làm giấy tờ gì cả.

Sau khi giao tiền vốn lại cho vợ chồng bà Tr, ông C được khoảng vài tháng thì ông C, bà Tr có than phiền với vợ chồng bà là mua bán lúa và nuôi heo bị lỗ nên không có tiền để đóng tiền lãi cho phần tiền vốn mà vợ chồng bà đã giao lại. Từ đó, cứ đến hạn đóng tiền lãi thì ông C, bà Tr đều nhờ vợ chồng bà vay tiền bên ngoài và mượn hụi của vợ chồng bà để trả lãi. Nhưng thực tế vợ chồng bà Tr, ông C để chiếm dụng số tiền mà vợ chồng bà đã giao lại để xây nhà, trang trải cuộc sống hằng ngày và mua sắm vật dụng trong nhà.

Do không có khả năng trả tiền cho vợ chồng bà nên vợ chồng bà Tr, ông C có thống nhất chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà một phần đất trị giá tương đương 100.000.000 đồng và trả cho vợ chồng bà 09 lần với số tiền 35.500.000 đồng. Tổng cộng đến nay, vợ chồng bà Tr, ông C đã trả cho vợ chồng bà được 135.500.000 đồng.

Tính từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 8 năm 2021 (đã căn trừ phần nợ đã trả), vợ chồng bà Tr, ông C đã mượn vợ chồng bà là: 2.984.500.000 đồng và 2,5 cây

vàng 24k (145.000.000 đồng). Tổng cộng: 3.129.500.000 đồng

Nay vợ chồng bà yêu cầu vợ chồng bà Tr, ông C có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng bà số tiền 3.129.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Sau đó bà xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa bà rút yêu cầu với số tiền 1.650.500.000 đồng, yêu cầu vợ chồng bà Tr, ông C trả số tiền 1.479.000.000 đồng.

*Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn Anh Trần Minh H trình bày:* ông C, bà Tr không có bà con dòng họ gì với ông L, bà L1. Ông C, bà Tr không có vay tiền, không hùn vốn mua bán lúa với ông L, bà L1 nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông L, bà L1.

Ngoài ra, anh đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu, do một số khoản nợ theo bảng tự kê của nguyên đơn đã hết thời hiệu thụ lý theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với các khoản sau: đối với tiền vốn mua bán lúa là 1.265.000.000 đồng; tiền trả vật tư xây nhà 124.000.000 đồng và tiền đăng hui dùm 40.041.000 đồng do những khoản tiền này đã hình thành từ 2017.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2022/DS-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh, tuyên xử.*

Căn cứ các Điều 166, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 227, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tấn L, bà Nguyễn Thị L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Huỳnh Văn C và bà Huỳnh Kim Tr.

2. Buộc bà Tr, ông C phải có nghĩa vụ trả cho ông L, bà L1 số tiền: 250.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà L1 yêu cầu bà Tr, ông C trả số tiền: 1.229.000.000 đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông L, bà L1 về việc yêu cầu bà Tr, ông C trả số tiền: 1.650.500.000 đồng (do rút yêu cầu).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/6/2022, ông Huỳnh Văn C và bà Huỳnh Kim Tr có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm tuyên xử bị đơn có nghĩa vụ trả 250.000.000 đồng, 200.000.000 đồng của bà Ngưng giao cho bà Tr, 50.000.000 đồng trả tiền thức ăn chăn nuôi. Lý do 200.000.000 đồng, theo bảng kê nguyên đơn nộp cho tòa trong đó không có 200.000.000 đồng. Số tiền 50.000.000 đồng, vay của bà Nôi mua cho chị Trang, khi ông C đến tòa khai mua bao nào thì trả bao đó, bà Nôi không xác định tiền đó như thế nào, đơn hàng gì, mua ngày tháng năm nào. Tòa án cấp sơ thẩm lấy 50.000.000 đồng là tiền bảo lãnh là không đúng, không có cơ sở. Lời khai của các nhân chứng không thống nhất, có sự mâu thuẫn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 3.129.500.000 đồng, do không có sổ sách nguyên đơn tự nhớ lại, tự liệt kê ra số tiền, nay rút lại yêu cầu phía bị đơn trả nợ số tiền 1.650.500.000 đồng. Chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 1.479.000.000 đồng. Lý do không kháng cáo, vì chứng cứ nào có cơ sở thì giữ lại, nhưng xác định vợ chồng bà Tr, ông C còn nợ vợ chồng ông L, bà L1 số tiền 3.129.500.000 đồng. Nói về thời hiệu, theo luật quy định là 3 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm tuy nhiên quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm mang tính liên tục nên không tính thời hiệu kể từ ngày kê nợ, vì vậy không áp dụng thời hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn C và bà Huỳnh Kim Tr. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2022/DS-ST, ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Trương Tấn L, bà Nguyễn Thị L1.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Xét kháng cáo của bà Tr và ông C thấy rằng: Bà L1, ông L cho rằng bà Tr và ông C là em ruột của anh rể của ông L nên ông L, bà L1

và ông C chơi thân với nhau có hùn mua bán lúa từ năm 2015 do mua bán bị lỗ và bà Tr nhờ bà L1 vay tiền, mua thức ăn cho heo ăn. Tính từ tháng 8 năm 2015 đến

tháng 8 năm 2021 (đã căn trừ phần nợ đã trả), vợ chồng bà Tr, ông C đã mượn vợ chồng bà là: 2.984.500.000 đồng và 2,5 cây vàng 24k (145.000.000 đồng). Tổng cộng: 3.129.500.000 đồng. Bà L1 rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện, với số tiền 1.650.500.000 đồng, yêu cầu vợ chồng bà Tr, ông C trả số tiền 1.479.000.000 đồng. Bà Tr, ông C không thừa nhận có hùn mua bán lúa với bà L1, nhờ bà L1 vay tiền và mua cám cho heo ăn. Tuy nhiên tại biên bản ngày 10/6/2022 bà Ngưng khai khoảng năm 2017 bà L1 có điện thoại cho bà hỏi mượn tiền dùm cho ông C, chồng bà Tr số tiền 200.000.000 đồng, bà đưa cho ông C1 200.000.000 đồng đem về nhà bà L1 giao lại cho bà Tr, ông C để làm vốn mua bán lúa (BL: 172). Ông C1 (ông Châu Thành D) khai bà L1 có nhờ ông qua G, Đ, Long An lấy số tiền 200.000.000 đồng từ lái mua lúa, khi ông lấy tiền đến nhà bà L1 thì bà L1 gọi điện kêu ông C, bà Tr đến nhận tiền, ông có chứng kiến nhưng tiền đó cụ thể là tiền gì thì ông không biết, việc bà Tr, ông C trả lại tiền cho ông L, bà L1 hay chưa thì ông không rõ (BL: 104). Biên bản lấy lời khai ngày 10-6-2022 bà Nguyễn Thị N khai năm 2019 bà L1 mua cám thức ăn gia súc của bà cho bà Tr nuôi heo thiếu của bà 50.000.000 đồng việc chở cám có khi bà L1 chở, có khi bà L1 điện trước ông C đến chở, bà L1 đã trả xong (BL: 177). Việc bà Tr và bà L1 hùn mua bán lúa với nhau, bà Tr nhờ bà L1 vay tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc nhiều người biết. Bà Tr, ông C nợ bà L1, ông L nên bà L1 đến nhà bà Tr, ông C đòi tiền nhiều lần nhưng bà Tr không mở cửa (BL: 179, 125). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tr thừa nhận bà L1 cùng hai người phụ nữ khác đến nhà bà Tr đòi tiền nhưng bà Tr không quan tâm nên không mở cửa cho bà L1 vào nhà. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông C, bà Tr trả cho bà L1 và ông L 250.000.000 đồng là có căn cứ. Bà Tr, ông L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình.

[2] Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông C, bà Tr. Không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2022/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Kim Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Kim Tr.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2022/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tấn L và bà Nguyễn Thị L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Kim Tr.

4. Buộc ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Kim Tr có nghĩa vụ trả cho ông Trương Tấn L, bà Nguyễn Thị L1 số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tấn L, bà Nguyễn Thị L1, yêu cầu bà Tr và ông C trả số tiền 1.229.000.000 đồng (một tỷ hai trăm hai mươi chín triệu đồng).

6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông L, bà L1 về việc yêu cầu bà Tr, ông C trả số tiền 1.650.500.000 đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng) (do rút đơn khởi kiện).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải bầu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

7. Về án phí:

7.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Kim Tr phải chịu số tiền 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Trương Tấn L, bà Nguyễn Thị L1 phải chịu số tiền 48.870.000 đồng (bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 47.295.000 đồng (bốn mươi bảy triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026362 ngày 23-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh. Ông L, bà L1 phải nộp thêm số tiền 1.575.000 đồng (một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

7.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Kim Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0026721 ngày 25-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tr, tỉnh Tây Ninh.

8. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND T.X Tr;
- Chi cục THADS T.X Tr;
- Đường sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Phạm Thị Hồng Vân**